TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16/01/2026
V/v "Ly hôn, con chung, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Kim Oanh

Ông Đỗ Xuân Tác

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND Khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Ư - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn, con chung, chia tài sản chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/4/1984 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: *Anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 19/3/1979 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau ngày 06/3/2014, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Hai vợ chồng chung sống thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do anh L là người cầm tiền chung của vợ chồng, quản lý chi tiêu sinh hoạt. Trong quá trình chung sống cùng nhau chị đi làm thì hàng tháng đưa tiền cho anh L giữ. Đến cuối năm 2023, thì mâu thuẫn đỉnh điểm, tháng 8 năm 2024 thì chị cùng cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/5/2020 bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì anh L có gọi về đoàn tụ nhưng chị không về, và hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn anh Nguyễn Văn L.

-Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương N1, sinh ngày 12/01/2015 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/5/2020. Hiện nay, cháu Nguyễn Phương N1 đang ở với anh L, còn cháu Nguyễn Thị Kim N

hiện đang ở với chị. Sức khỏe các con chung phát triển tốt. Khi ly hôn thì chị xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Nay chị đang làm công nhân, thu nhập trung bình 11.000.000 đồng/tháng, thời gian làm trong ngày, giờ hành chính, không làm đêm. Anh L làm công việc tự do, thu nhập trung bình khoảng 9.000.000 đồng/tháng.

-Về tài sản chung, tài sản riêng; công sức; công nợ chung, nhà ở, quyền sử dụng đất; ruộng đất và các vấn đề khác: Trong đơn khởi kiện chị có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung ngôi nhà, nay chị xin được rút đối với yêu cầu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình

* Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L nhất trí với phần trình bày của chị Nguyễn Thị T về thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn thì anh đồng ý.

-Về con chung: Anh L xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương N1, sinh ngày 12/01/2015 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/5/2020, hiện nay cháu Nguyễn Phương N1 hiện nay đang ở với anh, còn cháu Nguyễn Thị Kim N hiện đang ở với chị Nguyễn Thị T. Hiện nay sức khỏe các con chung phát triển tốt. Khi ly hôn thì anh xin được nuôi cháu Nguyễn Phương N1, chị T nuôi cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/5/2020.

Nay anh đang làm công nhân, công ty P thu nhập trung bình khoảng 9.000.000 đồng/tháng, thời gian làm trong ngày, giờ hành chính, không làm đêm.

Về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, tài sản riêng; công sức; công nợ chung, nhà ở, quyền sử dụng đất; ruộng đất và các vấn đề khác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh L có mặt và giữ nguyên yêu cầu cảu mình.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Khoản 2 -Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương N1, sinh ngày 12/01/2015, cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/5/2020 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không yêu cầu xem xét, giải quyết.

3. Về công nợ, tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, do chị Nguyễn Thị T rút yêu cầu trên là phù hợp với quy định tại khoản 2-Điều 244- Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.300.000 đồng theo biên lai số 0003487 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn. Hoàn trả chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), theo biên lai số 0003487 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 17 tháng 11 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Văn L xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh), làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Căn cứ vào lời khai của hai bên, biên bản làm việc với địa phương thì Hội đồng xét xử, xét thấy: Chị T và anh L sau khi về chung sống thời gian đầu chung sống bình thường, sau phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hai bên đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Tại phiên tòa chị T và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, thuận tình ly hôn. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung của T và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương N1, sinh ngày 12/01/2015 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/5/2020. Hiện sức khoẻ các con chung phát triển tốt. Hiện nay cháu Nguyễn Phương N1, sinh ngày 12/01/2015 đang ở với anh Nguyễn Văn L, còn cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/5/2020 đang ở với chị Nguyễn Thị T. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị T xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, còn anh L xin được nuôi cháu Nguyễn Phương N1, sinh ngày 12/01/2015. Xét về điều kiện, thời gian chăm sóc, kinh tế của hai bên và để đảm bảo cuộc sống ổn định và tâm sinh lý phát triển của con chung nên cần giao cháu Nguyễn Phương N1, sinh ngày 12/01/2015 cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Kim

N, sinh ngày 15/5/2020 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, do chị Nguyễn Thị T rút yêu cầu trên là phù hợp với quy định tại khoản 2-Điều 244- Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí:

Do chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L thuận tình ly hôn, nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn, nhưng chị Nguyễn Thị T xin chịu cả án phí ly hôn 300.000 đồng. Do vậy, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.300.000 đồng theo biên lai số 0003487 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn. Hoàn trả chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), theo biên lai số 0003487 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Khoản 2 -Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương N1, sinh ngày 12/01/2015 cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/5/2020 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vấn đề cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không yêu cầu xem xét, giải quyết.

3. Về công nợ, tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, do chị Nguyễn Thị T rút yêu cầu trên là phù hợp với quy định tại khoản 2-Điều 244- Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.300.000 đồng theo biên lai số 0003487 ngày

13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn. Hoàn trả chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), theo biên lai số 0003487 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2 -Bắc Ninh;
-Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2-Bắc Ninh;
- UBND xã Hợp Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sự